

Bản án số: 235/2020/HS-ST

Ngày: 29/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Tô Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Minh.

Ông Lò Thanh Hồng.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:* Ông Trần Hồng Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 241/2020/TLST- HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2020/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 9 năm 2020 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Dương Văn K**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1957 tại: Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn 6, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/10; Con ông: Dương Văn T (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị T1- sinh năm 1918; Vợ: Nguyễn Thị M- sinh năm 1954, Bị cáo có 06 người con, con lớn nhất sinh năm 1978 con nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án: không, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/04/1994 Công an huyện Đ B Đông bắt về hành vi: Tổ chức dùng chất ma túy và lập danh chỉ bản, không có hình thức xử lý gì khác. Ngày 17/10/1997 Công an huyện Đ B bắt. Tòa án nhân dân huyện Đ B xử phạt 02 năm tù, theo bản án số: 16/HSST ngày 02/12/1997 về tội: "Tổ chức dùng chất ma túy", đến ngày 22/6/1999 thì chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Ngày 05/3/2002 bị Công an huyện Đ B Đ bắt về hành vi: Sử dụng chất ma túy và lập danh chỉ bản, không có hình thức xử lý gì khác. Ngày 20/6/2011 bị Công an huyện Đ B bắt. Ngày 15/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Đ B xử phạt 30 tháng tù theo bản án số: 22/2011/HSST về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Đến ngày 20/9/2013 thì chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 21/6/2020 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 19/6/2020 Dương Văn K một mình đi bộ từ nhà: Thôn 6, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, khi đi Bị cáo mang theo 400.000 đồng, mục đích đi tìm mua hồng phiến về sử dụng. Khi đi đến khu vực đầu đường thuộc thôn 6, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, Bị cáo đã xin đi nhờ xe máy của một người đàn ông qua đường (Bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ) người đàn ông đồng ý. Khi đi đến khu vực Bản X, xã T A huyện Đ B, tỉnh Điện Biên thì Bị cáo xuống xe, còn người đàn ông đi đâu Bị cáo không biết. Sau đó Bị cáo đi bộ vào bản X, xã T A huyện Đ B tại đây Bị cáo gặp một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 30 tuổi (Bị cáo không biết tên, địa chỉ) và hỏi người đàn ông: “Có hồng phiến bán không”. Người đàn ông trả lời: “Có, mua bao nhiêu?” Bị cáo trả lời: “Bán cho 400.000 đồng hồng phiến”. Người đàn ông nói: “Mua thì đưa tiền đây”. Sau đó Bị cáo lấy từ người ra 400.000 đồng, gồm 08 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng đưa cho người đàn ông, người đàn ông cầm tiền rồi đưa lại cho Bị cáo 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu hồng, miệng gói được hơi lửa hàn kín, Bị cáo cầm lấy và mở ra xem thấy bên trong có 20 viên hồng phiến, xem xong gói lại như cũ rồi đồng ý mua. Mua bán xong người đàn ông đi đâu Bị cáo không biết. Bị cáo cất gói hồng phiến vừa mua được vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi bộ ra ngoài đường thuộc bản X, xã T A huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, rồi xin đi nhờ xe máy của một người đàn ông đi qua đường (Bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ) người đàn ông đồng ý. Khi đi đến khu vực thôn 6, xã P L, huyện Đ B. Bị cáo xuống xe rồi đi bộ vào nhà, người đàn ông đi xe máy đi đâu Bị cáo không biết. Khi về đến nhà Bị cáo đã lấy hồng phiến ra sử dụng nhiều lần bằng hình thức hút, sử dụng hết tất cả 16 viên hồng phiến. Sau khi sử dụng xong gói nilon hồng phiến Bị cáo vứt đi, còn lại 04 viên hồng phiến Bị cáo cất vào trong rổ và để ở trên mặt bàn uống nước, sau đó sinh hoạt bình thường. Hồi 08 giờ 45 phút ngày 21/6/2020 Bị cáo đang ngồi ở bàn uống nước thì có tổ công tác Công an huyện Đ B và Công an xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vào nhà kiểm tra phát hiện thu giữ trong rổ trên bàn, trước mặt Bị cáo đang ngồi, cách khoảng 50 cm, có 04 viên hồng phiến, trên bề mặt tất cả các viên hồng phiến đều có chữ WY. Kiểm tra người Bị cáo không phát hiện gì, tổ công tác đã mời người chứng kiến đến và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong thu giữ toàn bộ số vật chứng trên theo đúng quy định của pháp luật. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ B

thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bị cáo, qua khám xét không phát hiện thu giữ gì thêm.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 21/6/2020 đã xác định: Số viên nén màu hồng bên trên bề mặt mỗi viên nén đều có chữ WY nghi ma túy tổng hợp thu giữ của Dương Văn K có tổng khối lượng là 0,41 gam, trích 0,1 gam gửi giám định. Vật chứng còn lại là 0,31 gam.

Tại bản kết luận giám định số 587/GĐ-PC09 ngày 29/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu viên nén màu hồng bên trên bề mặt mỗi viên nén đều có chữ WY trích ra từ vật chứng thu giữ của Dương Văn K gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ của Dương Văn K là 0,41gam Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Tại bản cáo trạng số 239/CT-VKSĐB ngày 14/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B truy tố bị cáo Dương Văn K về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giữ nguyên quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy: 0,41 gam, trích 0,1 gam gửi giám định. Vật chứng còn lại là 0,31gam.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm cho Bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt

cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn K khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 08 giờ 45 phút, ngày 21/6/2020 Tổ công tác Công an huyện Đ B, tỉnh Điện Biên phối hợp với Công an xã P L làm nhiệm vụ tại khu vực thôn 6, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đã phát hiện và bắt quả tang Dương Văn K có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,41gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

...c....Methamphetamine....có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, Bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bản thân Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Miên đã được thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất vì vậy Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại Thái Bình, năm 1963 gia đình di chuyển lên sinh sống tại P L, huyện Đ B, Bị cáo được gia đình nuôi ăn học đến lớp 3/10 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình.

Năm 1977 Bị cáo kết hôn với chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1954, có với nhau 05 người con chung. Đến năm 1993 ly hôn với chị Nguyễn Thị M và chung sống như vợ chồng với chị Trần Thị L, sinh năm 1958, có với nhau 01 người con chung. Đến năm 2000 Bị cáo không chung sống với chị Trần Thị L nữa. Năm 2011 quay lại kết hôn với chị Nguyễn Thị M và sinh sống tại Đội 6, xã P L, huyện Đ B.

Ngày 24/04/1994 Công an huyện Đ B Đông bắt về hành vi: Tổ chức dùng chất ma túy và lập danh chỉ bản, không có hình thức xử lý gì khác.

Ngày 17/10/1997 Công an huyện Đ B bắt, Tòa án nhân dân huyện Đ B xử phạt 02 năm tù theo bản án số: 16/HSST ngày 22/12/1997 về tội: Tổ chức dùng chất ma túy. Đến ngày 22/6/1999 thì chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Ngày 05/3/2002 bị Công an huyện Đ B Đông bắt về hành vi: Sử dụng chất ma túy và lập danh chỉ bản, không có hình thức xử lý gì khác.

Ngày 20/6/2011 bị Công an huyện Đ B bắt. Ngày 15/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Đ B xử phạt 30 tháng tù theo bản án số: 22/2011/HSST về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Đến ngày 20/9/2013 thì chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Bị cáo sử dụng chất ma túy từ năm 1990 cho đến ngày bị bắt.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập chủ yếu dựa vào lao động sản xuất nông nghiệp ngoài ra không có thu nhập nào khác, nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội

đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án gồm: 0,41 gam Methamphetamine (đã trích gửi giám định không hoàn lại 0,1 gam, vật chứng còn lại là 0,31gam) là vật Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Các vấn đề khác:

Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ do Bị cáo mua của một người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu) Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với 02 người đàn ông cho Bị cáo đi nhờ xe mô tô để đi mua ma túy, do Bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ của những người này, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm cho Bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn K, phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt Bị cáo: **01 năm 09 tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (21/6/2020).

2. Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

* *Tịch thu tiêu hủy:* 0,41 gam Methamphetamine, sau khi giám định không hoàn lại 0,1 gam. Vật chứng còn lại 0,31 gam.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/9/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm cho Bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND H.Đ B;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Tòa án ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

Trần Thị Tố Loan